

## CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

## BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thủy lợi; Chuyên ngành: Công trình Thủy lợi-Thủy Điện

## A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Quang Hùng

2. Ngày tháng năm sinh: 31/12/1975; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Tập thể trường đại học thủy lợi, Trung liệt, Đống Đa, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): A2105 chung cư 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0915091173;

E-mail: hungwuhan@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 12,1998 đến tháng, năm 08,2000: Giảng Viên tại Trường đại học Thủy Lợi

Từ tháng, năm 09,2000 đến tháng, năm 12,2004: NCS Tiến Sỹ tại Trường đại học Vũ Hán -Trung Quốc

Từ tháng, năm 12,2004 đến tháng, năm 08,2021: Giảng Viên tại Trường đại học Thủy Lợi

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng bộ môn Thủy Công; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó viện trưởng viện kỹ thuật công trình

Cơ quan công tác hiện nay: Trường đại học Thủy Lợi

Địa chỉ cơ quan: 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường đại học Thủy Lợi

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 06 tháng 06 năm 1997, số văn bằng: B28462, ngành: Công trình thủy lợi, chuyên ngành: Công trình thủy lợi; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường đại học Thủy Lợi

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 18 tháng 09 năm 2000, số văn bằng: 16692, ngành: Công trình, chuyên ngành: Công trình; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường đại học thủy lợi

- Được cấp bằng TS [5] ngày 20 tháng 12 năm 2004, số văn bằng: 104862042651, ngành: Công trình thủy lợi, chuyên ngành: Kết cấu công trình; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường đại học Vũ Hán, Trung Quốc

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 18 tháng 11 năm 2009, ngành: Thủy Lợi

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Thủy lợi

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Thủy lợi

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

*Ứng dụng và phát triển mô hình toán trong phân tích kết cấu công trình thủy:*

1. Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ đánh giá an toàn kết cấu công trình.
2. Nghiên cứu phân tích cơ chế phá hoại cục bộ, tổng thể để thiết lập các mô hình toán, xây dựng công nghệ phán đoán phá hoại kết cấu công trình.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) ... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành 2 đề tài NCKH cấp Cơ sở; 4 đề tài NCKH cấp Khác;

- Đã công bố (số lượng) 56 bài báo khoa học, trong đó 8 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 7, trong đó 7 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

| TT | Tên khen thưởng     | Cấp khen thưởng                        | Năm khen thưởng |
|----|---------------------|----------------------------------------|-----------------|
| 1  | Bằng khen Bộ Trưởng | Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn | 2009            |

|   |                         |                                        |      |
|---|-------------------------|----------------------------------------|------|
| 2 | Bằng khen Bộ Trưởng     | Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn | 2018 |
| 3 | Chiến sỹ thi đua cấp Bộ | Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn | 2017 |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

| TT       | Tên kỷ luật | Cấp ra quyết định | Số quyết định | Thời hạn hiệu lực |
|----------|-------------|-------------------|---------------|-------------------|
| Không có |             |                   |               |                   |

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Là một giảng viên trong trường đại học chuyên ngành kỹ thuật nguồn nước, quá trình đào tạo cũng như công tác của mình gắn liền với tính toán công trình Thủy. Từ năm 2009 sau khi tác giả nhận được học hàm PGS đến nay, tác giả đã chủ biên và đồng chủ biên 04 sách chuyên khảo, 01 giáo trình, tham gia viết 02 sách được sử dụng làm giáo trình giảng dạy các môn chuyên ngành, hướng dẫn thành công hơn 200 kỹ sư, 60 thạc sỹ, 02 TS. Tham gia chính rà soát, sửa đổi, bổ sung khung chương trình đào tạo các cấp học đại học, sau đại học chuyên ngành xây dựng công trình Thủy. Chủ trì 04 đề tài nhánh cấp NN và tham gia nhiều đề tài các cấp, công bố được 56 bài báo khoa học trong đó 11 bài báo trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus, là tác giả chính hoặc tác giả coresponding của 06 bài báo khoa học trên tạp chí thuộc danh mục SCIE. Ứng viên tự đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của nhà giáo và đáp ứng được tiêu chuẩn đề ra.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 22 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp | Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức <sup>(*)</sup> |
|----|---------|---------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|    |         |                           |                                    |                                         |                                           |                                                                           |

| Chính           | Phụ       | ĐH | SDH |   |    |     |     |               |
|-----------------|-----------|----|-----|---|----|-----|-----|---------------|
| 1               |           |    |     |   |    |     |     |               |
| 2               |           |    |     |   |    |     |     |               |
| 3               |           |    |     |   |    |     |     |               |
| 03 năm học cuối |           |    |     |   |    |     |     |               |
| 4               | 2018-2019 | 1  |     | 1 | 14 | 83  | 270 | 353/604/229.5 |
| 5               | 2019-2020 |    |     | 2 | 14 | 124 | 81  | 205/415/229.5 |
| 6               | 2020-2021 |    |     | 1 | 18 | 63  | 138 | 201/411/229.5 |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ

#### 3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Trung Quốc

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Trung Quốc năm 2004

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

#### 3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

#### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS<br>hoặc HVCH/<br>CK2/ BSNT | Đối tượng |                       | Trách nhiệm<br>hướng dẫn |     | Thời gian<br>hướng dẫn từ<br>... đến ... | Cơ sở<br>đào<br>tạo                 | Ngày,<br>tháng,<br>năm được<br>cấp<br>bằng/có<br>quyết<br>định cấp<br>bằng |
|----|---------------------------------------|-----------|-----------------------|--------------------------|-----|------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|    |                                       | NCS       | HVCH/<br>CK2/<br>BSNT | Chính                    | Phụ |                                          |                                     |                                                                            |
| 1  | Nguyễn Lan<br>Hương                   | X         |                       | X                        |     | 02/2015 đến<br>11/2017                   | Trường<br>đại<br>học<br>Thủy<br>Lợi | 29/11/2017                                                                 |
| 2  | Hà Thanh<br>Dương                     | X         |                       | X                        |     | 10/2011 đến<br>11/2017                   | Trường<br>đại<br>học<br>Thủy<br>lợi | 06/6/2019                                                                  |

*Ghi chú:* Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

| TT                            | Tên sách                                                    | Loại<br>sách<br>(CK,<br>GT, TK,<br>HD) | Nhà xuất<br>bản và<br>năm xuất<br>bản    | Số<br>tác<br>giả | Chủ<br>biên | Phần<br>biên<br>soạn<br>(từ<br>trang<br>... đến<br>trang) | Xác nhận của cơ<br>sở GDĐH (Số<br>văn bản xác<br>nhận sử dụng<br>sách) |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------|------------------|-------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| Sau khi được công nhận PGS/TS |                                                             |                                        |                                          |                  |             |                                                           |                                                                        |
| 1                             | Ansys Phân tích kết<br>cấu công trình Thủy<br>Lợi Thủy Điện | CK                                     | Nhà xuất<br>bản Xây<br>Dựng,<br>năm 2011 | 2                | CB          |                                                           | 431/GXN-ĐHTL<br>,08/GXN-<br>VKHTLVN                                    |

|   |                                                                         |    |                                             |   |    |                                 |                                                                     |
|---|-------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------------------------|---|----|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 2 | Tính toán đập bê tông và đập vòm                                        | CK | Nhà xuất bản Xây Dựng, năm 2014             | 3 | CB |                                 | 07/GXN<br>VKHTLVN ngày 02/07/2019 ,<br>434/GXN-DHTL ngày 22/06/2020 |
| 3 | Sap 2000 Phân tích kết cấu công trình thủy lợi thủy điện- Phần nâng cao | CK | Nhà xuất bản Xây Dựng, năm 2016             | 2 | VC |                                 | 06/GXN<br>VKHTLVN ngày 02/07/2019,<br>435/GXN-DHTL ngày 22/06/2020  |
| 4 | Công trình bảo vệ bờ sông, kênh                                         | CK | Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, năm 2019 | 2 | CB |                                 | 05/GXN<br>VKHTLVN ngày 02/07/2019,<br>436/GXN-DHTL ngày 22/06/2020  |
| 5 | Sap 2000 Phân tích kết cấu công trình thủy lợi thủy điện                | GT | Nhà xuất bản Xây Dựng, năm 2012             | 6 | VC | (Chương 8, Chương 9, Chương 10) | 432/GXN-DHTL ngày 22/06/2020                                        |
| 6 | Giới thiệu và cơ sở thiết kế công trình thủy lợi                        | GT | Nhà xuất bản Xây Dựng, năm 2013             | 5 | VC | (Chương 4)                      | 433/GXN-DHTL ngày 22/6/2020                                         |
| 7 | Công trình trên hệ thống thủy lợi                                       | GT | Nhà xuất bản Bách Khoa, năm 2020            | 9 | CB |                                 | 464/GXN-DHTL ngày 29/6/2020                                         |

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 4 ( [1] [2] [4] [7] )

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần

## 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| <b>TT</b>                              | <b>Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)</b>                                                         | <b>CN/PCN/TK</b> | <b>Mã số và cấp quản lý</b> | <b>Thời gian thực hiện</b>   | <b>Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)<br/>/ Kết quả</b> |  |
|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------|--|
| <b>Trước khi được công nhận PGS/TS</b> |                                                                                                               |                  |                             |                              |                                                              |  |
| 1                                      | Nghiên cứu công nghệ thi công chọn thiết bị phù hợp tốc độ đắp đập sử dụng đất có hàm lượng sét cao           | CN               | 560/QĐ-ĐHTL-KHCN, cấp Cơ sở | 12/06/2006 đến<br>27/03/2007 | 27/03/2007                                                   |  |
| 2                                      | Xây dựng công nghệ phân tích ổn định trượt của đập bê tông trọng lực theo hai hệ thống tiêu chuẩn Nga Việt và | CN               | ĐHTL, cấp Cơ sở             | 01/7/2008 đến<br>23/03/2009  | 23/3/22009                                                   |  |
| <b>Sau khi được công nhận PGS/TS</b>   |                                                                                                               |                  |                             |                              |                                                              |  |

|   |                                                                                                                                                 |    |                           |                           |                    |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------|---------------------------|--------------------|
| 3 | Nghiên cứu ứng dụng mô hình tương tác đánh giá ổn định đề biển trong trường hợp sóng, triều cường tràn qua đê                                   | CN | KC.08.15/06- 10, cấp Khác | 07/08/2008 đến 10/06/2010 | 10/05/2010.<br>Đạt |
| 4 | Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn công trình thủy lợi trong điều kiện thiên tai bất thường miền Trung | CN | ĐTĐL.2009/01, cấp Khác    | 12/04/2009 đến 5/10/2011  | 5/10/2011.<br>Đạt  |
| 5 | Nghiên cứu đề xuất các giải pháp công trình để ổn định và phát triển kinh tế xã hội trong vùng nghiên cứu                                       | CN | KC.08.02/11- 15, cấp Khác | 03/06/2013 đến 16/02/2015 | 16/02/2015.<br>Đạt |



|   |                                                                                                                                                  |    |                         |                           |                    |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------|---------------------------|--------------------|--|
| 6 | Nghiên cứu xây dựng phương án và kế hoạch ứng phó với trường hợp xả lũ khẩn cấp, lũ cực lớn, lũ do vỡ đập trên hệ thống sông Hồng-sông Thái Bình | CN | KC08.13/16-20, cấp Khác | 01/01/2019 đến 31/12/2019 | 02/01/2020.<br>Đạt |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------|---------------------------|--------------------|--|

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT                              | Tên bài báo/báo cáo KH                                             | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                   | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|--------------------|
| Trước khi được công nhận PGS/TS |                                                                    |            |                  |                                                                   |                                                   |                                            |                |                    |
| 1                               | Nghiên cứu ảnh hưởng của nổ mìn trong xây dựng công trình thủy lợi | 2          | Có               | Tuyển tập công trình khoa học hội nghị cơ học toàn quốc lần thứ 6 |                                                   |                                            | 4 213-218      | 12/1997            |

|   |                                                                                                    |   |       |                                                                                                      |  |  |               |         |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------------|---------|
| 2 | Thảo luận<br>một số vấn<br>đề về kết cấu<br>chân kê đê<br>biển đã xây<br>dựng ở Việt<br>Nam        | 4 | Không | Tuyển tập công<br>trình khoa học<br>trường đại học thủy<br>lợi                                       |  |  | 4 30-34       | 11/1999 |
| 3 | Một số vấn<br>đề về kích<br>thước và ổn<br>định chân kê<br>đê biển                                 | 1 | Có    | Tuyển tập công<br>trình khoa học<br>trường đại học thủy<br>lợi                                       |  |  | 4 146-<br>149 | 11/1999 |
| 4 | Ảnh hưởng<br>của sóng tới<br>độ tin cậy<br>của kết cấu<br>bảo vệ mái<br>dốc đê, đập                | 1 | Có    | Tuyển tập công<br>trình hội thảo khoa<br>học quốc gia “ Cơ<br>học thủy khí với<br>thiên niên kỷ mới” |  |  | 96-99         | 07/2001 |
| 5 | Ứng dụng<br>FEM trong<br>nghiên cứu<br>bước thời<br>gian thích<br>hợp trong<br>quá trình cổ<br>kết | 1 | Có    | Tạp chí Thủy lợi và<br>môi trường (ISSN<br>1859-3941)                                                |  |  | 6, 14-<br>18  | 09/2004 |
| 6 | Phân tích<br>động lực<br>trong các bài<br>toán địa kỹ<br>thuật                                     | 2 | Có    | Tạp chí Thủy lợi và<br>môi trường (ISSN<br>1859-3941)                                                |  |  | 7             | 11/2004 |

|    |                                                                                                             |   |       |                                                      |            |  |                |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|------------------------------------------------------|------------|--|----------------|---------|
| 7  | Study on adaptive time step of consolidation geotechnical problems by finite element method                 | 3 | Có    | China rock and soil mechanics (ISSN 1000-7598)       | ISI - SCIE |  | 26, 4, 591-595 | 04/2005 |
| 8  | Nghiên cứu kết hợp mô hình SCRIIP 2004 với mô hình vật lý trong bể sóng phân tích ổn định đê biển tràn nước | 2 | Không | Tạp chí Khoa học công nghệ thủy lợi (ISSN 1859-3941) |            |  | 18, 31-35      | 07/2008 |
| 9  | Xây dựng công nghệ phân tích ổn định đập bê tông trọng lực theo tiêu chuẩn hiệp hội kỹ sư quân đội Mỹ       | 2 | Có    | Tạp chí Thủy Lợi và môi trường (ISSN 1859-3941)      |            |  | 24, 80-84      | 12/2009 |
| 10 | Vài vấn đề cần quan tâm khi thiết kế đập vòm cao                                                            | 2 | Không | Tạp chí Thủy Lợi và môi trường (ISSN 1859-3941)      |            |  | 24, 93-101     | 12/2009 |

|    |                                                                                                          |   |       |                                                              |  |  |           |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------|--|--|-----------|---------|
| 11 | Ứng dụng bước thời gian tự thích ứng cổ kết trong nghiên cứu lựa chọn tốc độ đắp đập vật liệu địa phương | 1 | Có    | Tạp chí Nông Nghiệp và phát triển Nông Thôn (ISSN 0866-7020) |  |  | 6, 80-85  | 06/2009 |
| 12 | Phân tích ứng suất đập bê tông trọng lực khi có xét đến tính phi tuyến của vật liệu                      | 2 | Không | Tạp chí Nông Nghiệp và phát triển nông thôn (ISSN 0866-7020) |  |  | 6, 65-70  | 06/2009 |
| 13 | Sử dụng phương pháp phân thời nghiên cứu ổn định của đập bê tông trọng lực trên nền đá                   | 1 | Có    | Tạp chí Địa kỹ thuật (ISSN-0868-279X)                        |  |  | 2, 26-30  | 06/2009 |
| 14 | Phân tích ứng suất đập bê tông đầm lăn trong quá trình thi công                                          | 1 | Có    | Tạp chí Khoa học công nghệ thủy lợi (ISSN 1859-3941)         |  |  | 22, 85-89 | 07/2009 |
| 15 | Ứng dụng mô hình phần tử tiếp xúc phân tích ổn định chống trượt đập bê tông trọng lực                    | 2 | Không | Tạp chí Thủy Lợi và môi trường (ISSN 1859-3941)              |  |  | 25, 38-45 | 06/2009 |

|                               |                                                                                                                                           |   |       |                                                      |  |  |          |         |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|------------------------------------------------------|--|--|----------|---------|
| 16                            | Một số vấn đề còn tồn tại liên quan đến đánh giá an toàn về cường độ và ổn định trong tiêu chuẩn thiết kế đập vòm bê tông 14 TCN 56-88    | 3 | Không | Tạp chí người xây dựng (ISSN 0866-8531)              |  |  | 7, 47-49 | 07/2009 |
| 17                            | Sử dụng mô hình tương tác phân tích ứng suất biến dạng bản mặt bê tông đập đá đổ bê tông bản mặt                                          | 4 | Không | Nông nghiệp và phát triển nông thôn (ISSN 0866-7020) |  |  | 9, 86-91 | 09/2009 |
| Sau khi được công nhận PGS/TS |                                                                                                                                           |   |       |                                                      |  |  |          |         |
| 18                            | Nghiên cứu cơ sở khoa học để đề ra giải pháp làm ổn định đập thích ứng được với bão, mưa lớn và trượt lở đất khu vực duyên hải miền Trung | 2 | Không | Tuyển tập báo cáo khoa học trường đại học thủy lợi   |  |  | 24-29    | 11/2009 |

|    |                                                                                                                 |   |       |                                                                                                   |                 |  |                |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--|----------------|---------|
| 19 | Phương pháp<br>phản tử hữu<br>hạn tự thích<br>ứng và ứng<br>dụng trong<br>phân tích đập<br>bê tông trọng<br>lực | 2 | Không | Tuyển tập báo cáo<br>khoa học trường<br>đại học thủy lợi                                          |                 |  | 64-70          | 11/2009 |
| 20 | Nghiên cứu<br>phương pháp<br>tính toán ổn<br>định kết cấu<br>công trình<br>ngầm                                 | 2 | Không | Tuyển tập báo cáo<br>khoa học trường<br>đại học thủy lợi                                          |                 |  | 132-<br>136    | 11/2009 |
| 21 | Probabilistic<br>Design and<br>Reliability<br>Analysis of<br>Coastal<br>Structures- A<br>Vietnam<br>Case        | 4 | Không | Asian and Pacific<br>Coasts 2009                                                                  | ISI -<br>Scopus |  | 2, 201-<br>209 | 10/2009 |
| 22 | Statistical<br>analysis of<br>extreme sea<br>water level in<br>risk based<br>design of<br>coastal<br>structures | 3 | Có    | Proceedings of the<br>third International<br>Conference on<br>Estuaries and<br>Coasts (ICEC 2009) |                 |  | 610-<br>617    | 10/2010 |

|    |                                                                                                                                                                 |   |       |                                                           |  |  |             |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------|--|--|-------------|---------|
| 23 | Research solutions to ensure seepage safety for the imhomogeneous earth dams constructed in the central highlands of vietnam by compressed-compacted technology | 3 | Có    | The 78 ICOLD Annual Meeting                               |  |  | 5-25, 1-13  | 05/2010 |
| 24 | Application of 3d adaptive finite element model to stress analysis of arch dam with contraction joints                                                          | 3 | Không | The 78 ICOLD Annual Meeting                               |  |  | 10.13, 1-13 | 05/2010 |
| 25 | Một số giải pháp nhằm đảm bảo an toàn các công trình xây dựng trong điều kiện thiên tai bất thường miền trung                                                   | 3 | Không | Khoa học kỹ thuật thủy lợi và môi trường (ISSN 1859-3941) |  |  | 35, 15-24   | 11/2011 |

|    |                                                                                                                                       |   |       |                                                                                             |  |  |                  |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------------|---------|
| 26 | Cơ sở khoa học và giải pháp đảm bảo an toàn cho đập trong điều kiện thiên tai bất thường miền trung                                   | 1 | Có    | Tuyển tập báo cáo khoa học kỷ niệm 45 năm thành lập khoa công trình trường đại học thủy lợi |  |  | 55-61            | 11/2011 |
| 27 | Nghiên cứu giải pháp đảm bảo an toàn thấm cho đập đất không đồng chất được xây dựng bằng công nghệ đầm nén ở vùng Tây nguyên việt nam | 3 | Có    | Khoa học kỹ thuật thủy lợi và môi trường (ISSN 1859-3941)                                   |  |  | 11/2011, 5-11    | 11/2011 |
| 28 | Một số phương pháp tính toán công trình ngầm trong nền đất yếu                                                                        | 3 | Không | Tuyển tập báo cáo khoa học kỷ niệm 45 năm thành lập khoa công trình trường đại học thủy lợi |  |  | 304-310          | 11/2011 |
| 29 | Phân tích ứng suất nhà máy thủy điện ngầm trong quá trình xây dựng                                                                    | 2 | Không | Khoa học kỹ thuật thủy lợi và môi trường (ISSN 1859-3941)                                   |  |  | 11/2011, 136-142 | 11/2011 |



|    |                                                                                                                                                 |   |       |                                                                                                             |          |  |                  |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|------------------|---------|
| 30 | Finite element stress analysis with consideration of equivalent stress in ANSYS –Case study of Namchien dam under static and dynamic conditions | 3 | Không | Applied Mechanics and Materials (ISSN: 1660-9336)                                                           | - Scopus |  | 188, 270-276     | 06/2012 |
| 31 | A Discussion on the Differences between Arch Dam Design Standards of the United States, China and Vietnam                                       | 3 | Không | Applied Mechanics and Materials (ISSN: 1660-9336)                                                           | - Scopus |  | 212-213, 841-845 | 06/2012 |
| 32 | Phân tích ứng suất đập vòm bê tông dưới tác dụng của tải trọng tĩnh và động                                                                     | 2 | Không | Hội nghị khoa học vật liệu, kết cấu và công nghệ xây dựng                                                   |          |  | 410-418          | 11/2012 |
| 33 | Hoàn thiện công nghệ tính toán kết cấu đập vòm bê tông.                                                                                         | 2 | Không | Hội thảo Khoa học toàn quốc "Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện ở Việt Nam - Những vấn đề đối mặt" |          |  | 99-107           | 01/2013 |

|    |                                                                                            |   |       |                                                           |  |  |           |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------|--|--|-----------|---------|
| 34 | Tính độ tin cậy an toàn của kè bảo vệ mái dốc lấp ghép bằng các cấu kiện bê tông đúc sẵn   | 2 | Có    | Khoa học kỹ thuật thủy lợi và môi trường (ISSN 1859-3941) |  |  | 44, 37-42 | 03/2014 |
| 35 | Phương pháp phân tử hữu hạn tự thích ứng và ứng dụng trong phân tích đập bê tông trọng lực | 3 | Không | hội nghị khoa học thường niên trường đại học thủy lợi     |  |  | 103-105   | 11/2014 |
| 36 | Điều chỉnh trạng thái ứng suất trong thân đập trọng lực theo phương pháp phân tử hữu hạn   | 3 | Không | hội nghị khoa học thường niên trường đại học thủy lợi     |  |  | 65-67     | 11/2015 |
| 37 | Tính toán hệ thống công trình đầu mối hồ chứa ở Việt nam theo lý thuyết độ tin cậy         | 4 | Không | hội nghị khoa học thường niên trường đại học thủy lợi     |  |  | 118-120   | 11/2016 |

|    |                                                                                                           |   |       |                                                               |  |  |             |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------------|--|--|-------------|---------|
| 38 | Ứng dụng lý thuyết độ tin cậy tính toán độ tin cậy an toàn cho công trình đầu mối hồ chứa nước thủy lợi   | 4 | Không | Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn (ISSN 1859-4581)) |  |  | 23, 77-83   | 12/2016 |
| 39 | Ứng dụng phương pháp HIBER-HUGHES- $\alpha$ phân tích kết cấu tháp điều áp chịu tải trọng động            | 1 | Có    | Tạp chí Khoa học công nghệ thủy lợi (ISSN 1859-4255)          |  |  | 53, 110-116 | 04/2019 |
| 40 | Ứng dụng phương pháp WILSON- $\Theta$ trong FEM phân tích tác động của động đất tới đập bê tông trọng lực | 1 | Có    | Tạp chí Nông Nghiệp và phát triển Nông Thôn (ISSN 1859-4581)  |  |  | 9, 101-106  | 05/2019 |
| 41 | Ứng dụng bước thời gian tự thích ứng phân tích ứng suất đập bê tông chịu tác dụng của tải trọng động      | 1 | Có    | Tạp chí Nông Nghiệp và phát triển Nông Thôn (ISSN 1859-4581)  |  |  | 8, 154-158  | 04/2019 |

|    |                                                                                      |   |    |                                                              |  |  |                |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|---|----|--------------------------------------------------------------|--|--|----------------|---------|
| 42 | Phân tích một số nhân tố ảnh hưởng đến ổn định đập bê tông                           | 1 | Có | Tạp chí Nông Nghiệp và phát triển Nông Thôn (ISSN 1859-4581) |  |  | 10, 48-52      | 05/2019 |
| 43 | Ứng dụng mô hình ma sát COULUMB nghiên cứu ứng suất cục bộ trong đập bê tông đầm lăn | 1 | Có | Tạp chí Nông Nghiệp và phát triển Nông Thôn (ISSN 1859-4581) |  |  | 11/2019, 91-95 | 06/2019 |
| 44 | Ứng dụng mô hình tiếp xúc nghiên cứu kết cấu chân kê biển                            | 1 | Có | Tạp chí Khoa học công nghệ thủy lợi (ISSN 1859-4255)         |  |  | 54, 58-65      | 06/2019 |
| 45 | Phân tích hóa lỏng đập vật liệu địa phương dưới tác dụng của tải trọng động          | 1 | Có | Tạp chí Khoa học công nghệ thủy lợi (ISSN 1859-4255)         |  |  | 54, 108-115    | 06/2019 |

|    |                                                                                                                                                                        |   |       |                                   |           |  |             |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------|-----------|--|-------------|---------|
| 46 | Development of Hybrid Machine Learning Models for Predicting the Critical Buckling Load of I-Shaped Cellular Beams                                                     | 8 | Không | Applied Sciences (ISSN:2076-3417) | UT - SCIE |  | 9, 24, 1-21 | 12/2019 |
| 47 | Optimization of Artificial Intelligence System by Evolutionary Algorithm for Prediction of Axial Capacity of Rectangular Concrete Filled Steel Tubes under Compression | 6 | Có    | Materials (ISSN 1996-1944)        | UT - SCIE |  | 13, 5, 1-25 | 03/2020 |

|    |                                                                                                                                                                                            |   |       |                                                                  |           |  |             |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|------------------------------------------------------------------|-----------|--|-------------|---------|
| 48 | Parametric Investigation of Particle Swarm Optimization for Improving Performance of Adaptive Neuro-Fuzzy Inference System in Determining Buckling Capacity of Circular Opening Steel Beam | 7 | Có    | Materials (ISSN 1996-1944)                                       | UT - SCIE |  | 13 1-27     | 05/2020 |
| 49 | Ứng dụng mô hình rừng cây ngẫu nhiên để dự đoán cường độ chịu nén của bê tông                                                                                                              | 2 | Không | Tạp chí Khoa học và khoa học công nghệ thủy lợi (ISSN 1859-4255) |           |  | 60, 75-     | 06/2020 |
| 50 | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dự đoán sức chống cắt của đất sau biến dạng                                                                                                                | 2 | Có    | Tạp chí Khoa học và khoa học công nghệ thủy lợi (ISSN 1859-4255) |           |  | 60, 106-112 | 06/2020 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                            |   |       |                                                                     |              |  |                   |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------------------|--------------|--|-------------------|---------|
| 51 | Tính toán<br>trần tự lật của<br>hồ chứa nước<br>Đá Bạc -Hà<br>Tĩnh theo lý<br>thuyết độ tin<br>cậy                                                                                                                                         | 3 | Không | Tạp chí Nông<br>Nghệ và phát<br>triển nông thôn<br>(ISSN 1859-4581) |              |  | 14, 51-<br>58     | 08/2020 |
| 52 | Một phương<br>pháp đánh<br>giá xác suất<br>an toàn của<br>cống lộ thiên-<br>Ứng dụng<br>cho cống Tân<br>Đệ thuộc hệ<br>thống Nam<br>Thái Bình                                                                                              | 3 | Không | Tạp chí Nông<br>Nghệ và phát<br>triển Nông Thôn<br>(ISSN 1859-4581) |              |  | 21/2020,<br>82-89 | 11/2020 |
| 53 | A Novel<br>Hybrid<br>Model Based<br>on a<br>Feedforward<br>Neural<br>Network and<br>One Step<br>Secant<br>Algorithm<br>for Prediction<br>of Load-<br>Bearing<br>Capacity of<br>Rectangular<br>Concrete-<br>Filled Steel<br>Tube<br>Columns | 7 | Có    | Molecules (ISSN:<br>1420-3049)                                      | UT -<br>SCIE |  | 25, 15,<br>1-26   | 07/2020 |

|    |                                                                                                                                   |   |    |                                                        |           |  |             |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|--------------------------------------------------------|-----------|--|-------------|---------|
| 54 | Influence of Data Splitting on Performance of Machine Learning Models in Prediction of Shear Strength of Soil                     | 8 | Có | Mathematical Problems in Engineering (ISSN: 1563-5147) | UT - SCIE |  | 2021 1-15   | 02/2021 |
| 55 | Investigation of ANN architecture for predicting shear strength of fiber reinforcement bars concrete beams                        | 6 | Có | PLoS ONE (ISSN: 1932-6203)                             | UT - SCIE |  | 16, 4, 1-22 | 04/2021 |
| 56 | Đánh giá hiệu quả các giải pháp công trình chỉnh trị khu vực hợp lưu sông Thao - Đà Lô- Hồng trên mô hình toán và mô hình vật lý. | 3 | Có | Tạp chí Khoa học công nghệ thủy lợi (ISSN 1859-4255)   |           |  | 66, 123-132 | 06/2021 |

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UỶ là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 5 ( [47] [48] [53] [54] [55] )

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)



| TT       | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----------|------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| Không có |                        |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT       | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|----------|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| Không có |                                                |                 |                    |                             |            |

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

| TT       | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----------|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| Không có |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi Chú |
|----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------|
|----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------|

|   |                                                                                        |          |                                                        |                         |                                                      |                                                              |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1 | Chương trình đào tạo ngành kỹ thuật xây dựng công trình thủy                           | Tham gia | Theo nhiệm vụ hàng năm của tổ môn quản lý chuyên ngành | Trường đại học Thủy Lợi | Quyết định số 1861/QĐ-ĐHTL ngày 21 tháng 11 năm 2014 | rà soát, bổ sung, chỉnh sửa chương trình đào tạo đại học     |
| 2 | Chương trình đào tạo ngành kỹ thuật xây dựng công trình thủy                           | Tham gia | Theo nhiệm vụ hàng năm của tổ môn quản lý chuyên ngành | Trường đại học Thủy Lợi | Quyết định số 845/QĐ-ĐHTL ngày 12 tháng 05 năm 2015  | rà soát, bổ sung, chỉnh sửa chương trình đào tạo đại học     |
| 3 | Chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ chuyên ngành : kỹ thuật xây dựng công trình thủy | Tham gia | Theo nhiệm vụ hàng năm của tổ môn quản lý chuyên ngành | Trường đại học Thủy Lợi | Quyết định số 2178/QĐ-ĐHTL ngày 17 tháng 10 năm 2017 | rà soát, bổ sung, chỉnh sửa chương trình đào tạo sau đại học |

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

***Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.***

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2021

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

